TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày 20-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Ngọc Dung.

2. Ông Trịnh Thành Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp tranh chấp hợp đồng vay tài sảntheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1934 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Ú, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L), sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2017 của ông Nguyễn Văn N và quá trình tố tụng tại Tòa án ông N trình bày: Vào năm 2013, ông có cho chị Nguyễn Thị H vay nhiều lần với tổng số tiền = 184.000.000 đồng, không quy định thời gian trả, lãi theo thỏa thuận, không làm giấy tờ gì chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Thời gian vay đến nay chị H không trả vốn và lãi nên ông yêu cầu chị H có trách nhiệm trả cho ông khoản tiền = 184.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

Tại bản khai ngày 05 tháng 4 năm 2017 chị Nguyễn Thị H (L) xác định: Chị H (L) thừa nhận có thiếu ông N số tiền 131.000.000 đồng và chấp nhận thanh toán cho ông N nhưng thực tế điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị không thể thanh toán một lần cho ông N được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị buộc chị H (L) trả cho ông N 131.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày hòa giải tại khóm ngày 21/10/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc yêu cầu của ông Nguyễn Văn N được Tòa án nhân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị H (L) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị H (L) vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L).

[3] Sự việc vay nợ giữa ông Ngẫu và chị H (L) thực tế có xảy ra. Hợp đồng do ông N và chị H (L) thỏa thuận có phát sinh lãi, không quy định thời hạn thanh toán nên hợp đồng vay được xác định là không kỳ hạn. Mặc dù, hợp đồng được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nhưng nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nay xảy ra tranh chấp Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về hợp đồng vay không kỳ hạn để giải quyết.

[4] Về khoản nợ ông N yêu cầu chị H (L) trả cho ông 184.000.000 đồng nhưng phía ông N không có chứng cứ gì để chứng minh trong khi chị H (L) chỉ thừa nhận có thiếu ông N số tiền là 131.000.000 đồng. Phía ông N cung cấp một biên bản hòa giải tại khóm ngày 21/10/2016 nhưng chỉ là bản photo, hiện bản chính ông N xác định đã bị thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên, theo nội dung biên bản hòa giải ngày 21/10/2016 thể hiện thì phía chị H (L) cũng chỉ thừa nhận thiếu ông N 131.000.000 đồng phù hợp với bản khai của chị H (L) đã xác định gửi cho Tòa án. Như vậy, có căn cứ buộc chị H (L) có trách nhiệm trả cho ông N số tiền vay còn thiếu bằng 131.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Không chấp nhận yêu cầu của ông N bằng 53.000.000 đồng. Ngoài ra, chị H (L) còn phải chịu khoản tiền lãi nếu chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[5] Hợp đồng vay giữa ông N và chị H (L) được xác định là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và khi xảy ra tranh chấp thì giữa ông N và chị H (L) không có thỏa thuận về thời gian thanh toán. Biên bản hòa giải ngày 21/10/2016 chỉ là bản photo không thể làm chứng cứ khi giải quyết vụ án và nếu căn cứ theo biên bản hòa giải ngày 21/10/2016 thì đôi bên cũng không có sự thống nhất về thời điểm thanh toán nợ. Thực tế , số tiền ông N yêu cầu đã có phần lãi trong đó và nếu tính lại phần lãi suất thì số nợ cũng tương đương với số tiền ông N yêu cầu nên không thể buộc chị H (L) chịu thêm phần lãi suất chậm trả theo đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Tòa án chỉ xem xét giải quyết trách nhiệm trả nợ giữa các bên, còn việc thanh toán thế nào và hình thức thanh toán ra sao thì các đương sự có quyền thương lượng, thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N được chấp nhận một phần nên bị đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể như sau: 131.000.000 đồng X 5% = 6.550.000 đồng.

Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông N là người cao tuổi và là người có công với cách mạng nên ông N được miễn phần tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đặt ra.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H (L).

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn N kiện chị NguyễnThị H (Nguyễn Thị L) đòi thanh toán nợ vay.

Buộc chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L) có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N = 131.000.000 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ khi ông Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Nguyễn Thị H (L) chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng chị H (L) còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của ông ông Nguyễn Văn N = 53.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Thị L) phải chịu = 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Miễn phần tiền án phí cho ông Nguyễn Văn N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời gian kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hải